

ĐẢM BẢO ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN THUỐC TẠI KHOA LÂM SÀNG

**KHOA DƯỢC – THÁNG 08 /2022
DS NGÔ TUYẾT PHƯƠNG**

ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, với khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm quanh năm. Trong những ngày hè khí hậu nóng nực, nhiệt độ có nơi tăng cao đến 38-40°C, độ ẩm nhiều khi rất cao trên 80%. Vì vậy, nếu bảo quản thuốc không tốt, không đúng thì thuốc rất dễ bị hư hỏng, mất tác dụng gây thiệt hại về sức khỏe và kinh tế của người sử dụng.

HỆ THỐNG THEO DÕI ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN THUỐC TẠI CÁC KHOA LÂM SÀNG

- ❖ Theo quy định của thông tư 36/2018/TT-BYT, thuốc phải được bảo quản trong điều kiện đảm bảo duy trì chất lượng và theo đúng quy định của pháp luật.
- ❖ Theo kế hoạch 636/KH-SYT, Bệnh viện cần triển khai hệ thống theo dõi điều kiện bảo quản thuốc tại các khoa lâm sàng.
- ❖ Hạn chế tối đa tình trạng thuốc hư hỏng, không đảm bảo chất lượng do điều kiện bảo quản chưa đạt yêu cầu

Phụ lục IV NGUYÊN TẮC, TIÊU CHUẨN THỰC HÀNH TỐT BẢO QUẢN THUỐC ĐỐI VỚI ĐỐI VỚI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Bảo quản điều kiện thường

- ❖ Độ ẩm không quá 75%
- ❖ Nhiệt độ phòng từ 15-30°C. Nhiệt độ tủ lạnh 2-8°C
- ❖ Trong điều kiện thời tiết khắc nghiệt, tại một số thời điểm trong ngày, nhiệt độ có thể trên 30°C nhưng **không vượt quá 32°C** và **độ ẩm không vượt quá 80%**.

Nếu trên nhãn không ghi rõ điều kiện bảo quản đặc biệt thì bảo quản ở điều kiện thường.

Phụ lục IV NGUYÊN TẮC, TIÊU CHUẨN THỰC HÀNH TỐT BẢO QUẢN THUỐC ĐỐI VỚI ĐỐI VỚI CƠ SỞ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

(Kèm theo Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

Hướng dẫn về điều kiện bảo quản cụ thể

Thông tin trên nhãn	Yêu cầu về điều kiện bảo quản
“Không bảo quản quá 30 °C”	từ +2 °C đến +30 °C
“Không bảo quản quá 25 °C”	từ +2 °C đến +25 °C
“Không bảo quản quá 15 °C”	từ +2 °C đến +15 °C
“Không bảo quản quá 8 °C”	từ +2 °C đến +8 °C
“Không bảo quản dưới 8 °C”	từ +8 °C đến +25 °C
“Bảo quản lạnh”	từ +2 °C đến +8 °C
“Bảo quản mát”	từ +8 °C đến +15 °C
“Khô”, “Tránh ẩm”	không quá 75% độ ẩm tương đối trong điều kiện bảo quản thường; hoặc với điều kiện được chứa trong bao bì chống thấm đến tận tay người bệnh.

DANH MỤC THUỐC CÓ ĐIỀU KIỆN BẢO QUẢN ĐẶC BIỆT

⊕

TT	Hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ/ hàm lượng	Dạng bào chế	Hãng SX	Nước SX	Điều kiện bảo quản	Ghi chú
1	Proparacaine hydroclorid	Alcaine	0,5%	Dung dịch vô khuẩn nhỏ mắt	Alcon	Belgium	2 – 8°C	
2	Bevacizumab	Avastin	100mg/4ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Roche	Germany	2 – 8°C	
3	Ranibizumab	Lucentis	1,65mg/0,165ml	Dung dịch tiêm	Novartis	Switzerland	2 – 8°C	
4	Amphotericin B	Amphotret	50mg	Bột đông khô pha tiêm, truyền tĩnh mạch	Bharat Ltd	India	2 – 8°C	
5	Neomycin + polymyxin B + dexamethason	Maxitrol oint.	3,5g 3.500UI/g + 6.000UI/g + 0,1%	Thuốc mỡ tra mắt	S.A Alcon-Couvreur N.V	Belgium	2 – 8°C	
6	Tobramycin + dexamethason	Tobradex oint.	3mg + 1mg	Thuốc mỡ tra mắt	S.A Alcon-Couvreur N.V	Belgium	2 – 8°C	
7	Adalimumab	Humira	40mg/0,8ml	Dung dịch tiêm	Vetter Pharma- Fertigung GmbH & Co	Germany	2 – 8°C	
8	Latanoprost	Latandrops	50 mcg/ml	Dung dịch vô khuẩn nhỏ mắt	Vianex S.A	Greece	2 – 8°C	
9	Tafluprost	Taflotan-S	4,5mcg/0,3ml	Dung dịch vô khuẩn nhỏ mắt	Santen Pharm. Co., Ltd	Japan	2 – 8°C	
10	Natamycin	Natamycin	50mg/ml	Hỗn dịch vô khuẩn nhỏ mắt	Senju Pharm. Co., Ltd.	Japan	1 – 25°C	
11	Botulinum toxin	Botox	100 đơn vị	Bột sấy khô chân không, vô khuẩn để pha dd tiêm	Allergan Pharmaceuticals Ireland	Ireland	2 – 8°C	Thuốc độc (TT 06/2017/TT- BYT)
12	Rocuronium bromid	Esmeron	10mg/ml	Dung dịch tiêm	Hamein Pharmaceutical GmbH	Germany	2 – 8°C	

THIẾT BỊ ĐÃ PHÁT



THIẾT BỊ GHI NHIỆT ĐỘ - ĐỘ ẨM SMARTTECH



Nhiệt độ

Độ ẩm



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG:


- 1/ Nhấn giữ nút START bắt đầu sử dụng thiết bị (có chữ REC trên màn hình)
- 2/ Cắm vào máy tính để copy số liệu về máy tính
- 3/ Rút thiết bị ra khỏi máy tính, nhấn giữ START để thiết bị bắt đầu hoạt động chu kỳ mới

Temperature & Humidity
data logger
(Multi-use)

S/N 
H85064478

THIẾT BỊ GHI NHIỆT ĐỘ - ĐỘ ẨM SMARTTECH



DEVICE INFORMATION S/N: <input type="text" value="H85064368"/> Temp Type: <input checked="" type="radio"/> °C <input type="radio"/> °F Start Type: <input type="text" value="Manual"/> Start Mode: <input type="text" value="Delay"/> Start Delay: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="Min"/> Timing: <input type="text" value="2022-03-22 12:24:02"/> Time Zone: <input type="text" value="UTC+7"/> <input type="text" value="3/22/2022 12:26:39 PM"/> Log Interval: <input type="text" value="30"/> <input type="text" value="Min"/> Log Cycle: <input type="text" value="99"/> <input type="text" value="Day"/> Points: <input type="text" value="4752"/>	TEMP ALARM <input checked="" type="checkbox"/> Alarm Type: <input type="text" value="Single"/> Alarm Delay: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="Min"/> Alarm Low: <input type="text" value="15.0"/> °C Alarm High: <input type="text" value="30.0"/> °C	DEVICE STATUS  31.6 °C Hardware Check: <input checked="" type="checkbox"/> Device Connect: <input checked="" type="checkbox"/>
	HUMIDITY ALARM <input checked="" type="checkbox"/> Alarm type: <input type="text" value="Single"/> Alarm Delay: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="Min"/> Alarm Low: <input type="text" value="30.0"/> % Alarm High: <input type="text" value="75.0"/> %	OTHER FUNCTIONS Forbid Manual Stop: <input checked="" type="checkbox"/> Auto Config: <input type="checkbox"/> Restart: <input checked="" type="checkbox"/>
INFORMATION <input type="text" value="TÊN NHÀ THUỐC"/>		OPERATE <input type="button" value="Read"/> <input type="button" value="Submit"/>

Nhấn vào Submit để kết thúc quá trình cài đặt

SỬ DỤNG THIẾT BỊ GHI NHIỆT ĐỘ - ĐỘ ẨM SMARTTECH

1/ Nhấn giữ nút START 4s (khi thấy biểu tượng đồng hồ nhỏ xuất hiện) buông tay → chữ REC xuất hiện trên màn hình → thiết bị đã bắt đầu hoạt động

2/ Treo thiết bị vào vị trí để sử dụng đến khi cần truy xuất số liệu

3/ Truy xuất số liệu như sau (**làm từng bước theo hướng dẫn, tránh mất số liệu**):

Cắm thiết bị vào cổng USB máy tính

Vào My Computer để copy số liệu từ ổ USB thiết bị về máy tính → hoàn tất việc lấy số liệu

→ Rút thiết bị ra khỏi máy tính thực hiện lại bước 1 để thiết bị hoạt động lại chu kỳ mới

SMARTTECH Data Report



Report Creation Time: 01/08/22 07:11:30

Note: All times shown are based on UTC+7 and 24-Hour clock [DD/MM/YY HH:MM:SS]

Device Information

Serial Number: H85064478	Log Cycle: 99d	Start Mode: Manual,Delay
Part Number: A1352	Log Interval: 30min	Start Delay: 0s
Version: V2.0	Data Points: 4752	Manual Stop: Disable

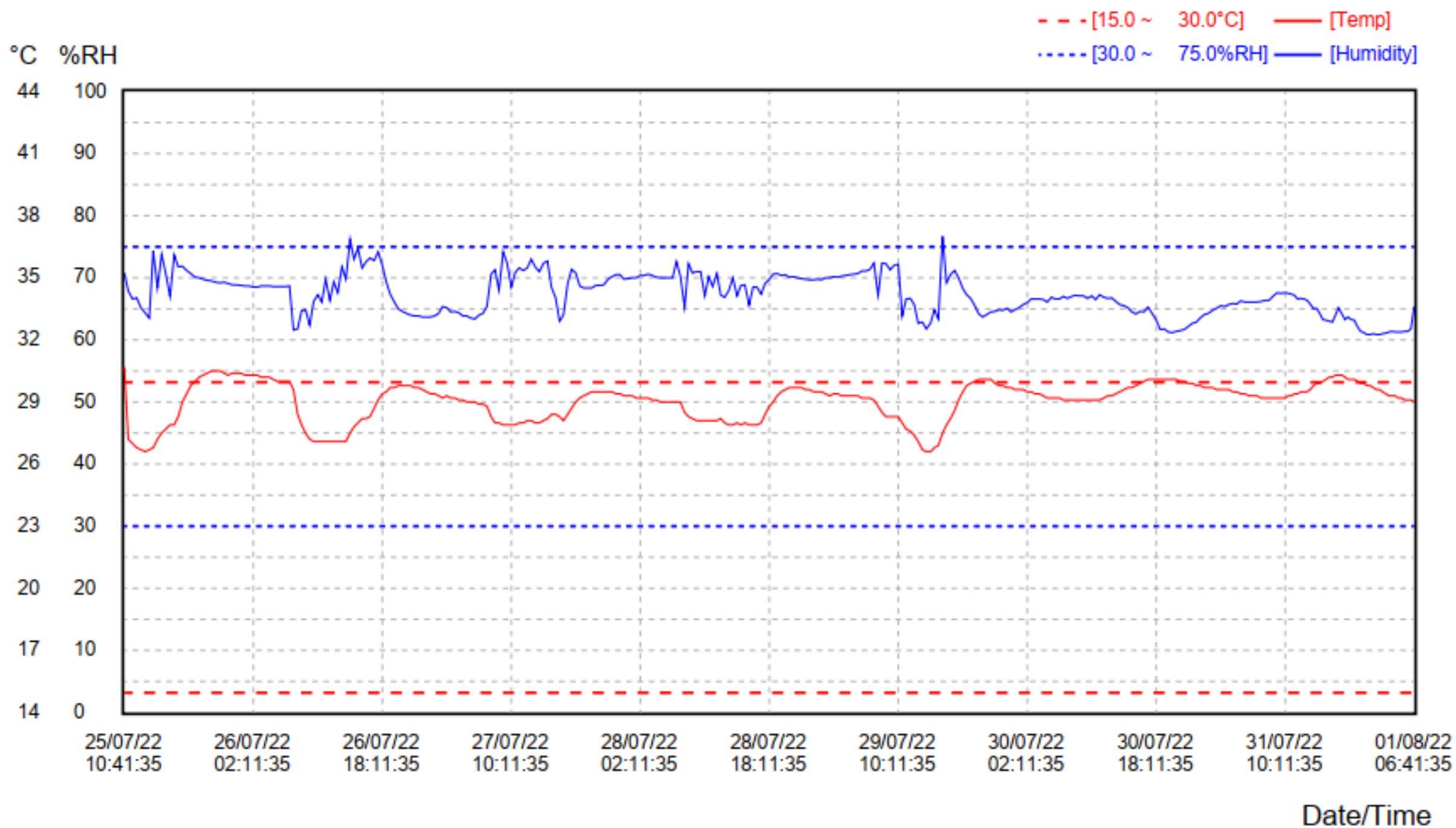
Logging Summary

Highest Temp Humidity: 30.7°C 76.7%	Start Time: 25/07/22 10:41:35	Stop Mode: USB
Lowest Temp Humidity: 26.6°C 60.9%	Stop Time: 01/08/22 06:41:35	
Average Temp Humidity: 29.1°C 67.2%	Duration Time: 6d20h	
MKT: 29.1°C	Data Points: 329	

Marked Events

N/A

Alarm Zones	Total Time	Allow Time	No. of violation	First Triggered	Status
High:>30.0°C	20h30min	0s(Sin)	42	25/07/22 10:41:35	ALARM
Low:<15.0°C	0s	0s(Sin)	0	N/A	OK
High:>75.0%	1h	0s(Sin)	2	26/07/22 14:11:35	ALARM
Low:<30.0%	0s	0s(Sin)	0	N/A	OK



GHI CHÉP VÀ LƯU TRỮ DỮ LIỆU

Email khoa dược: duocbvm02@gmail.com

- Xuất file dữ liệu mỗi tháng, gửi file về mail khoa dược trước ngày 5 tây hàng tháng
- Đồng thời ghi nhận nhiệt độ-độ ẩm hàng ngày vào Bảng theo dõi (bảng giấy) treo trước tủ thuốc 2 lần/ngày vào lúc 9h và 15h.
- Dược sĩ sẽ kiểm tra các Bảng theo dõi nhiệt độ-độ ẩm và file dữ liệu cùng lúc với kiểm tra tủ trực hàng quý

CẬP NHẬT DANH MỤC LASA 2022-2023

Thuốc đọc giống nhau, nhìn giống nhau



Optive Optive UD



Refresh Tears Refresh Liquigel



Sanlein 0.1% Sanlein 0.3%



Systane ultra Systane ultra UD



Maxitrol nhỏ mắt Maxitrol thuốc mỡ



Tobradex nhỏ mắt Tobradex thuốc mỡ



Oflovid nhỏ mắt Oflovid thuốc mỡ



Cravit 0.5% Cravit 1.5%



Medskin Acyclovir 200 Medskin Acyclovir 400



Cephalexin 250mg Cephalexin 500mg



Glucose 5% Glucose 30%



Efferalgan 80mg Efferalgan 150mg Efferalgan 250mg



Efferalgan 80mg Efferalgan 150mg Efferalgan 300mg



Flumetholon 0.02% Flumetholon 0.1%



Solumedrol 40mg Solumedrol 500mg

Thuốc nhìn giống nhau, tên khác nhau



Optive UD



Restasis



Acuvail



Alegysal



Diquas



FML



Pred Forte



Maxitrol



Tobradex



Kary Uni



Mydrin-P



Natri clorid 0.9%



Atropin



Gentamicin



Adrenalin

CẢM ƠN SỰ CHÚ Ý LẮNG NGHE

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ

1. Bảo quản ở nhiệt độ thường là?

- a. 15 – 30°C
- b. 8 – 15°C
- c. Trên 30°C
- d. Không vượt quá 32°C

2. Bảo quản ở nhiệt độ lạnh là?

- a. 15 – 30°C
- b. 8 – 15°C
- c. 2 – 8°C
- d. 2 – 15°C

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ

3. Độ ẩm tiêu chuẩn là?

- a. Không quá 80%
- b. Không quá 75%
- c. Không vượt quá 32°C
- d. Nhiệt độ khô, tránh ẩm

4. Nếu điều kiện thời tiết khắc nghiệt nhiệt độ có thể lên đến bao nhiêu?

- a. Trên 30°C
- b. Trên 80 %
- c. Không vượt quá 32°C
- d. Không vượt quá 32°C và độ ẩm không vượt quá 80%

CÂU HỎI LƯỢNG GIÁ

5. Điều kiện bảo quản thuốc tuân theo quy định nào?

- a. Theo quy định của Bộ y tế
- b. Theo Nhà sản xuất
- c. a và b đều đúng

6. Đảm bảo cung cấp thuốc có chất lượng đến tay người sử dụng đòi hỏi phải thực hiện các giai đoạn sau ?

- a. Sản xuất
- b. Bảo quản
- c. Tồn trữ
- d. Lưu thông phân phối thuốc
- e. Tất cả đều đúng